TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2021/DS-ST
Ngày 06/04/2021
V/v tranh chấp: Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Văn Chế
2. Bà Nguyễn Khánh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/TLST-DSTC ngày 03 tháng 11 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B chi nhánh Hà Giang

Địa chỉ: tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức N - Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức N - Phó giám đốc; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn K

Địa chỉ: Đội 2, thôn Đ, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Cả anh K và chị H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2020 và các Bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B chi nhánh Hà Giang (sau đây gọi tắt là Ngân hàng L Hà Giang), ông Hoàng Đức N trình bày:

Anh Hoàng Văn K - Trú tại: Đội 2, thôn Đ, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang, sau khi có xác nhận của Ban chỉ huy quân sự huyện Q về mức lương đã ký hợp đồng tín dụng (Viết tắt là HĐTD) số 1632/TDH/2016 ngày 30/8/2016 với Ngân hàng L Hà Giang vay số tiền: 300.000.000[đ]

Sau khi vay nợ, anh K đã trả nợ đúng cam kết của hợp đồng. Kể từ tháng 02/2018, khách hàng không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng nữa.

Tính đến thời điểm ngày 26/02/2019, anh K còn nợ gốc 225.000.000đ, lãi dự thu: 30.108.782đ, lãi phạt dự thu: 3.575.437đ, gốc phạt dự thu: 8.566.873đ, tổng số nợ của hợp đồng: 267.251.092đ.

Tại hợp đồng vay tiền trên của anh K đều có chữ ký của người đồng trách nhiệm trả nợ là chị Nguyễn Thị H (là vợ của anh K).

Do anh Hoàng Văn K đã vi phạm Điều 7 của các hợp đồng tín dụng và khoản vay đã phát sinh nợ quá hạn, và không là quân nhân của Ban chỉ huy quân sự huyện Q. Ngân hàng L Hà Giang đã căn cứ theo quy định của ngân hàng khi phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, nghỉ việc chuyển công tác, khách hàng và người đồng trách nhiệm trả nợ phải tất toán toàn bộ dư nợ tại Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần gửi giấy mời anh K, chị H đến Ngân hàng làm việc, nhưng anh K, chị H không hợp tác với ngân hàng, đã bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho ngân hàng, trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

Nay ngân hàng L Hà Giang khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu Tòa án buộc anh Hoàng Văn K và người đồng trách nhiệm chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng L Hà Giang tổng số tiền: 267.251.092đ. Tuyên buộc anh Hoàng Văn K và người đồng trách nhiệm chị Nguyễn Thị H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 1632/TDH/2016 ngày 30/8/2016 cho đến ngày thực tế anh K, chị H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Tại Bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 29/01/2021, anh Hoàng Văn K trình bày: Năm 2016 không nhớ rõ thời điểm, anh K có nhờ anh Trần Thanh N, công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang liên hệ vay giúp anh K 50.000.000đ để làm kinh tế. Anh N đồng ý và yêu cầu anh K đem sổ hộ khẩu gia đình, Chứng minh thư nhân dân của hai vợ chồng (anh K và chị H) đưa cho anh N để làm thủ tục vay giúp và nói với anh K là cho anh N vay ké vào suất của anh K số tiền 50.000.000đ, anh K đồng ý. Khoảng tháng 8/2016, anh N gọi anh K cùng đi lên Ngân hàng B tại thành phố H để ký hợp đồng và nhận tiền vay. Khi nhận tiền, thấy số tiền vay là 300.000.000đ, anh K có thắc mắc với anh N thì anh N có nói với anh K " Em vẫn nhận số tiền 50.000.000đ vay và chỉ phải trả tiền gốc, lãi cho số tiền trên, còn số tiền 250.000.000đ anh N vay, anh N sẽ có trách nhiệm tự trả gốc và lãi". Sau khi nhận tiền từ ngân hàng, anh K và anh N có viết giấy tờ về việc anh N vay lại tiền của anh K, hiện nay anh K đã để thất lạc chưa tìm thấy. Anh K xác nhận: Chữ viết, chữ ký trong hợp đồng tín dụng số: 1632/TDH/2016 ngày 30/8/2016 của đúng là chữ ký, chữ viết của anh, còn đối với chữ viết, chữ ký của người đồng trách nhiệm trả nợ chị H không phải là chữ viết, chữ ký của chị H mà do anh N tự điền vào như thế nào anh không biết. Sau khi vay nợ, anh K đã chủ động trả nợ gốc, lãi với Ngân hàng theo thỏa thuận. Khoảng tháng 02/ 2018, khi Ngân hàng có văn bản đốc thúc anh trả nợ cho toàn bộ khoản vay 300.000.000đ, anh mới phát hiện anh N đã ra quân, không còn công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện Q nữa. Anh đã đi tìm anh N nhưng không biết anh N đã bỏ đi đâu. Quan điểm của anh K: Đề nghị Tòa án và Ngân hàng tìm anh N, yêu cầu anh N phải tự trả khoản nợ 250.000.000đ mà anh N đã vay, anh K chỉ

trả số tiền nợ gốc 50.000.000đ và lãi suất. Chị H không biết và không được sử dụng khoản tiền mà anh đã vay.

Tòa án đã tống đạt Thông báo về phiên hòa giải (02 lần)cho anh K nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Văn K trước đây là vợ chồng (đã ly hôn năm 2018). Khoảng năm 2016, chị có nghe anh K nói chuyện nhờ người vay tiền hộ để làm ăn, nhưng chị không biết anh K nhờ ai vay tiền, số tiền vay là bao nhiêu. Việc làm hồ sơ vay tiền, ký vào các giấy tờ đều do anh K làm, chị không được biết và không được ký vào bất cứ giấy tờ gì, chị không được sử dụng số tiền anh K đã vay. Năm 2018, khi người vay hộ tiền anh K bỏ trốn, chị mới biết anh K ký vay số tiền trên. Quan điểm của chị H: Chị không được ký vào bản cam kết đồng trách nhiệm trả nợ, không được sử dụng khoản tiền mà anh K đã vay nên chị không có nghĩa vụ đồng trách nhiệm trả nợ với anh K.

Tại phiên hòa giải ngày 01/03/2021 giữa Ngân hàng B chi nhánh Hà Giang và chị H, Ngân hàng B đã rút yêu cầu đối với người đồng trách nhiệm trả nợ chị Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án buộc anh K phải trả số nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 1632/TDH/2016 ngày 30/8/2016.

Tại phiên tòa, anh K và chị H đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng B, ông N đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh K phải trả số nợ theo hợp đồng tín dụng số: 1632/TDH/2016 ngày 30/8/2016 tính đến ngày 06/4/2021, cụ thể tiền gốc: 225.000.000đ, lãi phát sinh: 54.615.460đ, lãi phạt gốc: 64.826.550đ, tổng cộng: 344.442.010đ.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, trốn tránh không đến tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 290, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Hoàng Văn K phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước ký kết số 1632/TDH/2016 ngày 30/8/2016, tính đến thời điểm ngày 06/4/2021, cụ thể tiền gốc: 225.000.000đ, lãi phát sinh: 54.615.460đ, lãi phạt gốc: 64.826.550đ, tổng cộng: 344.442.010đ.

Ngoài ra, anh K còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 07/4/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: Người khởi kiện yêu cầu buộc người vay tiền phải trả khoản nợ đã vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và nguyên đơn đã chọn khởi kiện tại nơi Tòa án nơi thực hiện hợp đồng tín dụng. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự có mặt của đương sự: Anh Hoàng Văn K có địa chỉ tại: Đội 2, thôn Đ, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang, anh K đã được biết về việc thụ lý vụ án, đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa. Chị H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.Căn cứ vào điểm e, khoản 1, điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Liên Việt Hà Giang yêu cầu anh Hoàng Văn K phải trả toàn bộ nợ gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng số 1632/TDH/2016 ngày 30/8/2016, thấy rằng: Ngày 30/8/2016, anh Hoàng Văn K - Địa chỉ: Đội 2, thôn Đ, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang có ký hợp đồng tín dụng số: 1632/TDH/2016, vay vốn tại Ngân hàng B Hà Giang số tiền: 300.000.000^{đ} *(Ba trăm triệu đồng*), lãi suất 12 %/năm trong 3 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 định kỳ điều chính 3 tháng/lần; Lãi suất cho vay được tính theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm 13 tháng + tối thiểu 5%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; thời hạn vay 60 tháng; hạn trả gốc và lãi theo dư nợ thực tế; Mục đích sử dụng: Mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình.Chị Nguyễn Thị H là người đã ký vào cam kết đồng trách nhiệm trả nợ với anh K. Ngân hàng đã giải ngân cho anh K vay với số tiền là: 300.000.000^{đ}.

[4] Sau khi vay vốn tại Ngân hàng, anh K đã trả được một phần gốc, lãi của hợp đồng. Từ tháng 02/2019, anh K đã không trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng cho khoản vay trên. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu người vay tiền anh Kim và đồng trách nhiệm trả nợ chị H đến làm việc nhưng anh K, chị H không đến. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay quy định tại các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, 290, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Anh K cho rằng: Mặc dù anh là người đã ký hợp đồng tín dụng số 1632/TDH/2016 ngày 30/8/2016, vay của Ngân hàng B chi nhánh Hà Giang số

tiền: 300.000.000đ, nhưng thực tế anh chỉ được nhận: 50.000.000đ, còn 250.000.000đ do anh Trần Thanh N, công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang nhận. Nay anh đề nghị Tòa án buộc anh N phải trả số nợ gốc và lãi cho số tiền anh N đã nhận. Đối chiếu với toàn bộ hồ sơ vay vốn của anh K với Ngân hàng B chi nhánh Hà Giang, không thể hiện có sự liên quan nào của anh Trần Thanh N cùng vay vốn với anh K. Trong bảng kê lịch sử trả nợ của anh K, có thể hiện có lần anh K tự trả nợ, có lần anh N trả nợ, nhưng với chứng cứ này không chứng minh được anh N là người cùng vay tiền với anh K. Anh K có thể khởi kiện yêu cầu anh N trả khoản tiền vay anh K nếu có chứng cứ chứng minh.

[6] Anh K cũng xác nhận chị H không phải là người đã ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ với anh, chị H không được sử dụng số tiền anh K đã vay. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng B chi nhánh Hà Giang đã rút yêu cầu chị H là người đồng trách nhiệm trả nợ.

[7] Về việc tính lãi: Tại Hợp đồng tín dụng số 1632/TDH/2016 ngày 30/8/2016 quy định số tiền phạt = (Số tiền chậm trả lãi X lãi suất quá hạn X số ngày chậm trả lãi) / 360 (trong đó: Lãi suất quá hạn= 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chậm trả lãi). Việc thỏa thuận tính lãi phạt lãi đối với khoản lãi chậm trả không phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005, Điều 11 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khoản tiền phạt chậm trả lãi đối với hợp đồng tín dụng trên phù hợp với quy định của pháp luật, được chấp nhận nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của Ngân hàng, phần tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu bị đình chỉ sẽ được giải quyết trong cùng vụ án.

[8] Do vậy buộc anh Hoàng Văn K phải trả nợ cho Ngân hàng B chi nhánh Hà Giang số tiền gốc còn nợ, lãi suất trong hạn, lãi suất nợ quá hạn tính đến ngày 06/4/2021 theo hợp đồng tín dụng số: 1632/TDH/2016 ngày 30/8/2016, tiền gốc: 225.000.000đ, lãi phát sinh: 54.615.460đ, lãi phạt gốc: 64.826.550đ, tổng cộng: 344.442.010đ.

[9] Về án phí: Bị đơn anh Hoàng Văn K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 290, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh Hà Giang về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh Hoàng Văn K.

Buộc anh Hoàng Văn K; địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh Hà Giang số tiền nợ gốc: 225.000.000^{đ}, lãi phát sinh: 54.615.460^{đ}, lãi phạt gốc: 64.826.550^{đ}, tổng cộng: 344.442.010^{đ} (Ba trăm bốn bốn triệu, bốn trăm bốn hai nghìn, không trăm mười đồng).

Kể từ ngày 07/4/2021 bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc của hợp đồng tín dụng số: 1632/TDH/2016 ngày 30/8/2016, số tiền: 225.000.000^{đ} (Hai trăm hai lăm triệu đồng) cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

2. Về án phí:

- Buộc anh Hoàng Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 17.222.000^{đ}(Mười bẩy triệu hai trăm hai hai nghìn đồng chẵn).

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh Hà Giang số tiền: 6.681.000^{đ} (Sáu triệu sáu trăm tám mốt nghìn đồng chẵn) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0002345 ngày 03/11/2020.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết Bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh;
-VKSND TP;
-Các đương sự;
-THA;
- Lưu.

Đỗ Thị Kim Quy